

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN TINH  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/DS-ST

Ngày: 06/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TINH, TỈNH QUẢNG NGÃI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thượng Trọng Ký

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Tấn Trung
- Ông Nguyễn Thanh Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nga- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tinh, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tinh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Võ Duy Hoàng Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tinh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLST- DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16A/2024/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2024; Thông báo chuyển ngày xét xử số 402/TB-TA ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST-DS ngày 27/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn S**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.**

Điện thoại: 0378.051.341.

2. Bị đơn:

- Ông **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1974.

- Bà **Phạm Thị Thu B**, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Điện thoại: 0966.342.499 – 0363.385.252.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/8/2018, Ông: Nguyễn Hữu C, bà: Phạm Thị Thu B, cư trú tại Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi có đến nhà ông S mượn với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn), để đi buôn bán bất động sản. Với sự thỏa thuận hai bên lãi suất 1,5%/tháng. Ông Nguyễn Hữu C có thể chấp một giấy quyền sử dụng đất cây trồng với diện tích 2,8ha cho ông S giữ để làm tin. Vào tháng 10 năm 2020, ông S cần số tiền mà ông C bà B đã vay mượn để giải quyết công việc gia đình. Đến năm 2021 ông S báo trước cho ông C bà B nhiều lần mà ông bà không chịu trả lãi và gốc.

Theo giấy mượn tiền ông C viết: “Nếu vợ chồng tôi không trả với số tiền trên đúng với lời hứa thì vợ chồng anh S có quyền sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 184 mà vợ chồng tôi đã gửi thừa đất trên”. Đến tháng 7 năm 2022 ông S viết đơn gửi Công an xã T nhờ giải quyết.

Ngày 02/8/2022 Công an xã T có mời hai bên lên để giải quyết. Nhưng ông C bà B cố tình không giải quyết đủ số tiền mượn trên theo thỏa thuận của hai biên bản mà Công an xã T đưa ra, theo lời hứa của ông C sẽ trả số tiền là 122.000.000 đồng (một trăm hai hai triệu đồng chẵn) nhưng ông C bà B chỉ trả được 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng chẵn) còn lại hứa đến ngày 15/9/2022 ông C bà B sẽ hoàn tất trả số tiền cả lãi và gốc là 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng chẵn).

Từ đó, đến nay ông C bà B chưa trả tiền gốc là 62.000.000 đồng tiền lãi cho ông C. Hiện nay, ông C bà B còn nợ ông S số tiền gốc là 62.000.000 đồng và số tiền nợ lãi (Số tiền lãi được tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày khởi kiện 16/11/2023 là 14 tháng =  $62.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 14 \text{ tháng} = 13.020.000$  đồng), tuy nhiên ông S chỉ yêu cầu ông Nguyễn Hữu C và bà Phạm Thị Thu B trả số tiền lãi 9.000.000đồng. Tổng cộng là nợ gốc và nợ lãi mà ông Nguyễn Hữu C và bà Phạm Thị T Ba phải trả cho ông S với số tiền là 71.000.000 đồng (bảy mươi một triệu đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Phạm Thị Thu B trình bày: Hiện nay ông C bà B còn nợ ông S số tiền gốc là 62.000.000 đồng và số tiền nợ lãi (Số tiền lãi được tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày khởi kiện 16/11/2023 là 14 tháng =  $62.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 14 \text{ tháng} = 13.020.000$  đồng), tuy nhiên ông S chỉ yêu



cầu ông Nguyễn Hữu C và bà Phạm Thị Thu B trả số tiền lãi 9.000.000đồng. Vì vậy, chúng tôi đồng ý có nợ và trả nợ cho ông S tổng cộng là nợ gốc và nợ lãi với số tiền là 71.000.000 đồng (bảy mươi một triệu đồng). Nhưng mong rằng ông Phạm Văn S giảm chúng tôi số tiền lãi 9.000.000đồng và cho chúng tôi xin trả dân chữ hiện này thu nhập rất bấp bênh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh trình bày quan điểm:

*Về thủ tục tố tụng:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Hữu C và bà Phạm Thị Thu B đã không chấp hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự (không tham gia phiên họp công khai chứng cứ).

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S. Buộc ông Nguyễn Hữu C, bà Phạm Thị T Ba phải trả cho ông Phạm Văn S số tiền nợ gốc 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng chẵn) và nợ lãi theo yêu cầu 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), tổng cộng là 71.000.000 đồng.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc ông Nguyễn Hữu C, bà Phạm Thị T Ba phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về trình tự thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Phạm Thị Thu B hiện cư trú tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là dựa trên nội dung thỏa thuận ghi trong giấy mượn tiền đề ngày 28/8/2018 (nhằm ngày 10/7/2018 AL) giữa các bên và Biên bản làm việc của Công an xã T ngày 02/8/2022 và ngày 13/9/2022 nên đây là quan hệ tranh chấp “Giao dịch dân sự về vay mượn tài sản”. Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

**[2].** Về nội dung vụ án:

[2.1]. Các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, thỏa thuận này có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện giao dịch, bên ông **Nguyễn Hữu C**, bà **Phạm Thị Thu B** đã không thực hiện đúng theo nghĩa vụ đã cam kết. Vì vậy, giao dịch (việc thỏa thuận ghi trong giấy mượn tiền đề ngày 28/8/2018 (nhằm ngày 10/7/2018 AL) ; Biên bản làm việc của **Công an xã T** ngày 02/8/2022 và ngày 13/9/2022) có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Vậy, có đủ cơ sở về chứng cứ, căn cứ pháp lý để tuyên buộc ông **Nguyễn Hữu C**, bà **Phạm Thị T** Ba phải trả khoản nợ gốc là 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng chẵn) và nợ lãi 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), tổng cộng là 71.000.000 đồng cho ông **S**.

[2.2] Về lãi suất phát sinh: Ông **Phạm Văn S** không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông **Nguyễn Hữu C**, bà **Phạm Thị T** Ba phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; ông **S** được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về điều luật:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 91, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015

### **2. Về nội dung:**



- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn S**:

Buộc ông **Nguyễn Hữu C**, bà **Phạm Thị T** Ba phải trả khoản nợ gốc là 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng chẵn) và nợ lãi 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), tổng cộng là 71.000.000 đồng cho ông **Phạm Văn S**.

**3. Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án:** Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông **Nguyễn Hữu C**, bà **Phạm Thị T** Ba phải nộp 3.550.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm;

**5. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thượng Trọng Ký**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- Đương sự;
- Lưu: Ấn văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thượng Trọng Ký**

